

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục - thể thao tỉnh Phú Thọ đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thể dục - Thể thao (Tờ trình số 250/TT-TDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2006),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục - thể thao tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển sự nghiệp thể dục - thể thao (TDĐT) phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy hoạch phát triển sự nghiệp TDĐT của cả nước. Đầu tư phát triển sự nghiệp TDĐT đảm bảo tính chiến lược lâu dài, nhằm phát triển toàn diện con người Phú Thọ cả về trí tuệ và thể chất; làm cho mỗi người dân được tham gia và hưởng thụ các hoạt động TDĐT góp phần tích cực nâng cao chất lượng cuộc sống, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Phát triển sự nghiệp TDĐT tỉnh Phú Thọ mang tính dân tộc, khoa học và nhân dân, kết hợp hài hoà giữa kế thừa và phát triển theo hướng toàn diện, nhanh, hiệu quả và bền vững. Chú trọng phát triển đồng bộ giữa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phong trào TDĐT quần chúng, thể thao thành tích cao và đảm bảo tính hiệu quả của quá trình phát triển.

3. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, đa dạng hóa các chủ thể tham gia đóng góp nguồn lực và trí tuệ phát triển sự nghiệp TDĐT của tỉnh, huy động sức mạnh của toàn xã hội quan tâm, chăm lo, đóng góp đẩy mạnh phát triển sự nghiệp TDĐT, từng bước đưa TDĐT trở thành ngành kinh tế dịch vụ, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát.

Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh, phấn đấu xây dựng xã hội tập luyện TDTT trên địa bàn tỉnh, đưa Phú Thọ trở thành trung tâm TDTT của vùng trung du miền núi phía Bắc và là một trong số các tỉnh có nền TDTT phát triển vào loại khá của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể.

2.1 Phát triển TDTT quần chúng:

a) Từ nay đến năm 2010:

- Số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt tỷ lệ 24-25% dân số;
- Số gia đình thể thao đạt tỷ lệ 18-20% số hộ gia đình;
- Số câu lạc bộ TDTT đạt 900 câu lạc bộ trở lên;
- 100% số trường phổ thông, trường chuyên nghiệp thực hiện tốt chương trình giáo dục thể dục nội khoá; 77-79% số trường tổ chức được các hoạt động TDTT ngoại khoá;
- 100% số trường phổ thông, trường chuyên nghiệp có đủ diện tích đất, sân bãi, dụng cụ TDTT để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên;
- 100% số trường trung học cơ sở có đủ giáo viên TDTT;
- Số cán bộ, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT ở cấp xã được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ TDTT đạt trên 90%;
- Tổ chức tốt các kỳ Đại hội TDTT các cấp và Hội khoẻ Phù Đổng trong trường phổ thông theo quy định;
- Phấn đấu giành được 74 huy chương các loại trở lên tại Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008, trong đó: huy chương vàng đạt 41 chiếc trở lên, huy chương bạc đạt 16 chiếc trở lên, huy chương đồng đạt 17 chiếc trở lên;
- Phấn đấu nằm trong trong top 5 đoàn dẫn đầu cả nước tại Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008.

b) Đến năm 2015:

- Số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt tỷ lệ 30-31% dân số;
- Số gia đình thể thao đạt tỷ lệ 23-24% số hộ gia đình;
- Số câu lạc bộ TDTT đạt 1350 câu lạc bộ trở lên;
- 100% số trường phổ thông, trường chuyên nghiệp thực hiện tốt chương trình giáo dục thể dục nội khoá, 84% số trường tổ chức được các hoạt động TDTT ngoại khoá;
- 100% số trường phổ thông, trường chuyên nghiệp có đủ diện tích đất, sân bãi, dụng cụ TDTT để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên;

- 100% số trường trung học cơ sở có đủ giáo viên TDTT;
- Số cán bộ, hướng dẫn viên, công tác viên TDTT ở cấp xã được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ TDTT đạt 95%;
- Tổ chức tốt các kỳ Đại hội TDTT các cấp và Hội khoẻ Phù Đổng trong các trường phổ thông theo quy định;

c) Đến năm 2020:

- Số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt tỷ lệ 36-38% dân số;
- Số gia đình thể thao đạt tỷ lệ 28-30% số hộ gia đình;
- Số câu lạc bộ TDTT đạt từ 2000 câu lạc bộ trở lên.
- 100% số trường phổ thông, trường chuyên nghiệp thực hiện tốt chương trình giáo dục thể dục nội khoá, 90% số trường tổ chức được các hoạt động TDTT ngoại khoá.
- 100% số trường phổ thông, trường chuyên nghiệp có đủ diện tích đất, sân bãi, dụng cụ TDTT để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên;
- 100% số trường trung học cơ sở có đủ giáo viên TDTT;
- Số cán bộ, hướng dẫn viên, công tác viên TDTT ở cấp xã được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ TDTT đạt 100%;
- Tổ chức tốt các kỳ Đại hội TDTT các cấp và Hội khoẻ Phù Đổng trong trường phổ thông theo quy định.

d) Một số chỉ tiêu phát triển TDTT quần chúng đến năm 2020: biểu số 1, ban hành kèm theo Quyết định này.

2.2 Phát triển thể thao thành tích cao:

a) Từ nay đến năm 2010:

- Số vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia: 67 vận động viên;
- Tham gia thi đấu khu vực và toàn quốc: 25 cuộc;
- Tổng số huy chương các loại đạt 82 huy chương, trong đó có từ 17 đến 20 huy chương vàng;
- Tham gia thi đấu 15 môn thể thao tại Đại hội Thể dục - Thể thao toàn quốc lần thứ VI - năm 2010, phần đấu đạt từ 35 đến 40 huy chương (trong đó có 19 huy chương vàng, 15 huy chương bạc và 06 huy chương đồng); toàn đoàn xếp vị trí từ thứ 10 đến thứ 15 trong tổng số các đoàn vận động viên của các tỉnh, thành, ngành tham gia Đại hội;
- Xây dựng được 02 đội bóng chuyên hạng mạnh (01 đội nam, 01 đội nữ) và 01 đội bóng đá nam U20.

b) Đến năm 2015:

- Số vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia: khoảng 95 vận động viên;
- Tham gia thi đấu khu vực và toàn quốc: khoảng 27 cuộc;

- Tổng số huy chương các loại đạt khoảng 110 huy chương, trong đó có từ 25 đến 30 huy chương vàng;

- Xây dựng được 02 đội bóng chuyên hạng mạnh (01 đội nam, 01 đội nữ) và 01 đội bóng đá nam hạng mạnh;

- Tham gia thi đấu 17 môn thể thao tại Đại hội Thể dục - Thể thao toàn quốc lần thứ VII, phần đấu giành từ 52 đến 67 huy chương các loại.

c) Đến năm 2020:

- Số vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia: khoảng 150 vận động viên;

- Tham gia thi đấu khu vực và toàn quốc: khoảng 30 cuộc;

- Tổng số huy chương các loại đạt khoảng 145 huy chương, trong đó có từ 39 đến 43 huy chương vàng;

- Xây dựng được 02 đội bóng chuyên hạng mạnh (01 đội nam, 01 đội nữ) và 01 đội bóng đá nam hạng mạnh;

- Tham gia thi đấu 20 môn thể thao tại Đại hội Thể dục - Thể thao toàn quốc lần thứ VIII, phần đấu giành từ 75 đến 97 huy chương các loại.

d) Một số chỉ tiêu phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2020: biểu số 2, ban hành kèm theo Quyết định này.

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP THỂ DỤC - THỂ THAO TỈNH PHÚ THỌ ĐẾN NĂM 2020

1. Nhiệm vụ.

1.1 Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng TDTT quần chúng:

- Tiếp tục duy trì và mở rộng phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", đồng thời tích cực xây dựng các đơn vị điển hình tiên tiến về TDTT, phát triển mạnh về số lượng và nâng cao chất lượng các câu lạc bộ và gia đình thể thao. Tăng cường tổ chức các giải thi đấu thể thao từ tỉnh đến cơ sở, tổ chức tốt các kỳ Đại hội TDTT các cấp và các kỳ Hội khỏe Phù Đổng theo quy định, tập trung mọi điều kiện để tổ chức tốt Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008 tại tỉnh Phú Thọ.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phong trào TDTT quần chúng, chú trọng địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa thu hút mọi đối tượng, lứa tuổi tham gia luyện tập TDTT thường xuyên, trong đó thanh, thiếu niên, học sinh, chiến sỹ lực lượng vũ trang đóng vai trò nòng cốt.

- Đẩy mạnh hoạt động TDTT trong trường học, từng bước bổ sung để các trường có đủ giáo viên thể dục và thực hiện tốt chương trình giảng dạy thể dục nội khóa. Phần đấu đến năm 2010, các trường phổ thông và trường chuyên nghiệp có đủ diện tích sân bãi, dụng cụ TDTT để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo

đục thể chất cho học sinh, sinh viên.

- Đẩy mạnh phát triển một số môn TDTT có lợi thế của tỉnh phù hợp với các đối tượng, cụ thể như sau:

+ Đối với các trường phổ thông: hoạt động TDTT ngoại khóa tập trung vào các môn trong chương trình Hội khỏe Phù Đổng: điền kinh, cầu lông, vật tự do, vật dân tộc, teakwondo, pencatsilat, wushu, bóng chuyền, bóng đá, cờ vua, judo, bắn nỏ vv... Đối với các trường chuyên nghiệp và dạy nghề: tập trung phát triển các môn thể thao hiện đại phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường.

+ Đối với lực lượng vũ trang (công an, quân đội): tập trung phát triển các môn thể thao phổ biến như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn vv..., đồng thời tập trung đẩy mạnh phong trào "chiến sĩ khỏe" và thực hiện tốt chế độ kiểm tra hàng năm theo tiêu chuẩn đã được thống nhất giữa Ủy ban Thể dục - Thể thao với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

+ Đối với cán bộ, công nhân viên chức, lao động: duy trì phong trào tập luyện ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo phương châm "mỗi người tự chọn cho mình một môn thể thao thích hợp" và gắn hoạt động TDTT với phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, gia đình văn hóa.

+ Đối với người cao tuổi: nội dung tập luyện chủ yếu là: đi bộ, các bài tập thể dục dưỡng sinh, thái cực quyền, cầu lông, bóng bàn, cờ tướng vv...

+ Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực miền núi: tiếp tục duy trì các môn thể thao phổ biến, đồng thời phát triển các môn thể thao dân tộc như: bắn nỏ, kéo co vv..., chú trọng nhân rộng các môn: đẩy gậy, leo núi, trên cơ sở đó hình thành lực lượng vận động viên tham gia hội thi thể thao dân tộc toàn quốc do Ủy ban Thể dục - Thể thao tổ chức.

- Khuyến khích, huy động, tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp TDTT, tạo cơ sở cho mọi người, mọi lứa tuổi được tập luyện TDTT, từng bước hình thành xã hội tập luyện TDTT trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chương trình phối hợp giữa ngành TDTT với các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị, xã hội nhằm đẩy mạnh phong trào TDTT trong các đối tượng.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển phong trào TDTT cơ sở đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó xác định các chương trình của ngành TDTT giữ vai trò chủ đạo nhằm từng bước xóa dần sự chênh lệch về mức hưởng thụ TDTT giữa các vùng, miền trong tỉnh.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng hướng dẫn viên, trọng tài cơ sở, phấn đấu đến năm 2010 có trên 90%, năm 2015 đạt khoảng 95% và năm 2020 đạt 100% số cán bộ làm công tác TDTT chuyên trách hoặc bán chuyên trách ở cơ sở được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ.

1.2 Nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng thể thao thành tích cao:

a) Xác định các môn thể thao trọng điểm, thể thao mũi nhọn:

Căn cứ xu thế phát triển các môn thể thao của cả nước; căn cứ khả năng chuyên môn của vận động viên và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; trên cơ sở thực tế thực hiện nhiệm vụ thể thao thành tích cao của tỉnh Phú Thọ thời gian qua và thực hiện việc đăng cai tổ chức Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008, tỉnh Phú Thọ xác định các môn thể thao trọng điểm và các môn thể thao mũi nhọn để tập trung đầu tư như sau:

- Các môn thể thao trọng điểm: bóng đá, bóng bàn, bóng rổ, cờ vua, bơi lội, cầu lông, đá cầu, thể dục, judo và bắn nỏ;

- Các môn thể thao mũi nhọn: bóng chuyền, điền kinh, vật tự do, vật dân tộc, karatedo, taekwondo, wushu, pencak silat và bắn cung.

b) Phát triển lực lượng vận động viên các môn thể thao:

Trên cơ sở quy hoạch các môn thể thao trọng điểm, các môn thể thao mũi nhọn, nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao thành tích thể thao của tỉnh trong các giai đoạn: 2006-2010, 2010-2015 và đến năm 2020, công tác tổ chức đào tạo lực lượng vận động viên các môn thể thao được thực hiện theo ba tuyến: vận động viên các lớp năng khiếu cơ sở (bán tập trung); vận động viên trẻ và vận động viên các đội tuyển thể thao tỉnh (tập trung).

- Các lớp năng khiếu thể thao cơ sở: tuyển chọn các tài năng thể thao ở độ tuổi từ 10-15 để tổ chức huấn luyện kỹ thuật cơ bản của một môn thể thao cụ thể. Trên cơ sở kết quả của các lớp năng khiếu cơ sở, tuyển chọn lực lượng vận động viên cung cấp cho các đội tuyển trẻ của tỉnh. Đến năm 2010: tổ chức 46 lớp và 1080 vận động viên; năm 2015: 50 lớp và 1155 vận động viên; năm 2020: 56 lớp và 1285 vận động viên.

- Đào tạo lực lượng vận động viên trẻ: tập trung huấn luyện toàn diện về các mặt: tư tưởng, phẩm chất, đạo đức; chú trọng nâng cao nhanh trình độ chuyên môn cho lớp vận động viên trẻ để tạo nguồn vận động viên có chất lượng cao cung cấp cho các đội tuyển thể thao của tỉnh. Đến năm 2010: đào tạo 164 vận động viên trẻ; năm 2015: đào tạo 204 vận động viên trẻ và năm 2020: đào tạo 229 vận động viên trẻ.

- Đào tạo vận động viên các đội tuyển thể thao của tỉnh: phấn đấu đến năm 2010 có 155 vận động viên các đội tuyển thể thao tỉnh; năm 2015 có 194 vận động viên và năm 2020 có 221 vận động viên.

c) **Xác định địa bàn trọng điểm thực hiện nhiệm vụ đào tạo vận động viên:**

Căn cứ năng lực và điều kiện thực tế của từng ngành, địa phương trong tỉnh, xác định địa bàn trọng điểm thực hiện nhiệm vụ đào tạo vận động viên như sau:

- Môn điền kinh: tổ chức đào tạo tại thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện: Phù Ninh, Lâm Thao, Tam Nông, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Cẩm Khê, Yên Lập, Đoan Hùng, Hạ Hoà, Thanh Ba;

- Môn bóng đá: tổ chức đào tạo tại thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện: Phù Ninh, Lâm Thao, Hạ Hoà, Thanh Sơn;

- Các môn: vật tự do, vật dân tộc: tổ chức đào tạo tại thành phố Việt Trì và các huyện: Phù Ninh, Đoan Hùng;

- Các môn: karatedo, pencaksilat: tổ chức đào tạo tại thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện: Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Sơn;

- Môn wushu: tổ chức đào tạo tại thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện: Phù Ninh, Hạ Hoà, Tam Nông;

- Môn thể dục: tổ chức đào tạo tại thành phố Việt Trì;

- Môn bắn nỏ: tổ chức đào tạo tại các huyện: Thanh Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng;

- Các môn: bóng chuyền (nam, nữ), bóng rổ (nam, nữ), vật tự do nữ, bắn cung, tuyển chọn trong toàn tỉnh theo độ tuổi, thành lập đội vận động viên trẻ và tổ chức đào tạo tập trung.

1.3 Đầu tư nguồn lực để phát triển TDTT:

a) **Nguồn nhân lực:**

- Về huấn luyện viên: tiếp tục bổ sung biên chế huấn luyện viên cho Trung tâm Huấn luyện TDTT tỉnh kết hợp với hợp đồng bổ sung huấn luyện viên đảm bảo đủ số lượng. Đầu tư đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ huấn luyện viên của tỉnh giỏi về chuyên môn để đáp ứng cao nhất yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo lực lượng vận động viên của tỉnh từ nay đến năm 2010 và 2020. Bố trí đội ngũ huấn luyện viên các môn, các tuyến một cách khoa học và hợp lý,

kết hợp giữa huấn luyện viên có kinh nghiệm với huấn luyện viên trẻ để thực hiện nhiệm vụ đào tạo vận động viên.

- Tập trung đào tạo, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên, trọng tài, y, bác sỹ, kỹ thuật viên, công tác viên, cán bộ nghiệp vụ TDTT đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2010, đội ngũ huấn luyện viên, giáo viên, cán bộ nghiệp vụ TDTT cấp tỉnh, cấp huyện đạt trình độ từ cao đẳng trở lên.

b) Quy hoạch đất đai:

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị số 274/CT-TTg ngày 27 tháng 4 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch và sử dụng đất đai phục vụ phát triển sự nghiệp TDTT, đảm bảo để các địa phương, cơ sở có quỹ đất và vị trí đất phù hợp cho hoạt động TDTT. Phấn đấu 100% các huyện, thành, thị, xã, phường, thị trấn đảm bảo quy hoạch đất cho TDTT đạt mức bình quân 02 đến 03m² đầu người. Tất cả các huyện, thành, thị, xã, phường, thị trấn của tỉnh xây dựng được các điểm tập luyện TDTT gắn với các điểm vui chơi của thanh, thiếu niên và các thiết chế văn hóa tại cơ sở theo tinh thần Nghị quyết số 56/2003/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XV.

(X) - Quy hoạch đất dành cho TDTT của tỉnh đến năm 2020 đạt 413,66 ha, bình quân đầu người đạt: 2,8m²/người (năm 2005 là 2,0m²/người).

- Diện tích đất quy hoạch dành cho TDTT của các huyện, thành, thị đến năm 2020: biểu số 3, ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Quy hoạch xây dựng các công trình TDTT đến năm 2020:

- Đối với cấp tỉnh: từ nay đến năm 2015, ở tỉnh tiến hành đầu tư xây dựng các thiết chế TDTT sau: Trường Năng khiếu TDTT tỉnh, Nhà ở vận động viên TDTT, Bể bơi, Nhà thi đấu tỉnh. Căn cứ tầm quan trọng của công trình và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định đầu tư các công trình TDTT cấp tỉnh vào thời gian thích hợp.

+ Đối với cấp huyện: từ nay đến năm 2020, đầu tư xây dựng các công trình TDTT tại các huyện, thị, thành như sau:

+ Thành phố Việt Trì: đầu tư xây dựng Trung tâm Huấn luyện TDTT thành phố Việt Trì (bao gồm Sân vận động và nhà thi đấu); Bể bơi Bảo Đà;

(X) + Thị xã Phú Thọ: đầu tư xây dựng: Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2010); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2015);

+ Huyện Đoan Hùng: đầu tư xây dựng: Sân vận động (dự kiến hoàn thành vào năm 2010); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2016); Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2020);

+ Huyện Hạ Hòa: đầu tư xây dựng: Sân vận động (dự kiến hoàn thành vào năm 2012); Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2015); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2020);

+ Huyện Thanh Ba: đầu tư xây dựng: Sân vận động (dự kiến hoàn thành vào năm 2015); Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2018); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2020);

+ Huyện Cẩm Khê: đầu tư xây dựng: Sân vận động (dự kiến hoàn thành vào năm 2014); Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2018); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2020);

+ Huyện Lâm Thao: đầu tư xây dựng: Sân vận động (dự kiến hoàn thành vào năm 2007); Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2010); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2012);

+ Huyện Tam Nông: đầu tư xây dựng: Sân vận động (dự kiến hoàn thành vào năm 2015); Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2018); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2020);

+ Huyện Thanh Thủy: đầu tư xây dựng: Sân vận động (dự kiến hoàn thành vào năm 2020); Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2012); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2018);

+ Huyện Yên Lập: đầu tư xây dựng: Sân vận động (dự kiến hoàn thành vào năm 2010); Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2012); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2020);

+ Huyện Thanh Sơn: đầu tư xây dựng: Sân vận động (dự kiến hoàn thành vào năm 2008); Nhà thi đấu thể thao (dự kiến hoàn thành vào năm 2010); Bể bơi (dự kiến hoàn thành vào năm 2014).

- Đối với cấp xã: mỗi xã phường, thị trấn dành từ 1,5 đến 02 ha đất ở khu vực trung tâm để xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện TDTT, phân đấu đến năm 2010 có các thiết chế sau:

+ Khu vực đô thị có tối thiểu: 01 sân thể thao phổ thông, 01 đến 02 phòng tập đơn giản, 04 đến 06 sân tập từng môn TDTT, 01 bể bơi;

+ Khu vực đồng bằng có tối thiểu: 01 sân thể thao phổ thông, 02 đến 04 sân tập từng môn TDTT, 01 phòng tập đơn giản, 01 hồ bơi đơn giản;

- Khu vực miền núi có tối thiểu: 01 sân thể thao và vui chơi giải trí, 01 phòng tập đơn giản.

d) Tổng hợp nhu cầu tài chính cho phát triển TDTT:

- Nhu cầu kinh phí phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh cả giai đoạn 2006-2020: khoảng 1093,4 tỷ đồng, bình quân mỗi năm khoảng 72,9 tỷ đồng; giai đoạn 2006-2010: khoảng 517,2 tỷ đồng; giai đoạn 10 năm sau: 576,2 tỷ đồng.

- Nguồn lực tài chính cho phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Phú Thọ được huy động từ nhiều nguồn, bao gồm:

+ Nguồn ngân sách nhà nước: ngân sách cấp nào chỉ yêu cầu phát triển sự nghiệp TDTT cấp đó, ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ một phần cho cấp huyện và xã. Tỷ trọng chi ngân sách cho sự nghiệp TDTT chiếm khoảng 2,5-3% tổng chi ngân sách của tỉnh giai đoạn 2006-2020. Tỷ trọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản TDTT chiếm khoảng 2% tổng vốn đầu tư xã hội;

- + Nguồn đóng góp của các doanh nghiệp;
- + Nguồn đóng góp của nhân dân, của các tổ chức, cá nhân
- + Nguồn tài trợ;
- + Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ TDTT;
- + Vốn đầu tư của nước ngoài.

- Tổng hợp nhu cầu và nguồn kinh phí chi phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Phú Thọ đến năm 2020: biểu số 4, 5, ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Giải pháp chủ yếu.

2.1 Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển sự nghiệp TDTT. Tổ chức quán triệt và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và của tỉnh về phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Phú Thọ đến năm 2020. Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành xây dựng các chương trình, kế hoạch phối hợp với các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển TDTT theo quy hoạch.

2.2 Tăng cường công tác quản lý nhà nước về TDTT:

a) Ở cấp tỉnh: kiện toàn bộ máy giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về TDTT, thành lập mới các tổ chức: Thanh tra, Trung tâm Dịch vụ và Thi đấu TDTT và Trường Năng khiếu TDTT tỉnh, trực thuộc Sở Thể dục - Thể thao.

b) Ở cấp huyện: tăng cường công tác quản lý nhà nước về TDTT ở cấp huyện và cơ sở. Củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng đội ngũ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Đối với các huyện, thành, thị có dân số đông, diện tích rộng, sự nghiệp TDTT phát triển, nghiên cứu, thành lập Trung tâm TDTT trực thuộc Phòng Văn hoá - Thông tin - Thể thao cấp huyện.

2.3 Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển TDTT:

Trong những năm tới, tiếp tục tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế để phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh. Nội dung hợp tác bao gồm các lĩnh vực:

- Hợp tác đào tạo vận động viên: tuyển chọn vận động viên của tỉnh có triển vọng bố trí đi đào tạo tại các trung tâm đào tạo vận động viên chất lượng cao ở trong nước và quốc tế. Đồng thời, ban hành một số chính sách ưu đãi, thu hút vận động viên đẳng cấp cao từ các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài về thi đấu cho tỉnh;

- Hợp tác đào tạo huấn luyện viên: tuyển chọn huấn luyện viên của tỉnh có triển vọng bố trí đi đào tạo tại các trung tâm đào tạo huấn luyện viên chất lượng cao ở trong nước và quốc tế. Đồng thời, ban hành chính sách thu hút các huấn luyện viên giỏi, có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn cao về làm công tác huấn luyện vận động viên của tỉnh;

- Hợp tác tổ chức và tham gia biểu diễn, thi đấu TDTT;

- Hợp tác thực hiện đầu tư phát triển TDTT;

- Hợp tác xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án về TDTT;

- Hợp tác phát triển nghiên cứu khoa học, trao đổi, học tập kinh nghiệm trong lĩnh vực TDTT.

2.4 Đẩy mạnh xã hội hoá TDTT:

a) Mục tiêu:

Huy động mọi nguồn lực tham gia phát triển sự nghiệp TDTT, từng bước hình thành xã hội tập luyện TDTT trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2020, hoàn thành việc chuyển một số cơ sở TDTT công lập có điều kiện sang loại hình ngoài công lập; các cơ sở TDTT ngoài công lập chiếm khoảng 85% tổng số cơ sở TDTT trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các liên đoàn, hiệp hội thể thao cho 95% số môn thể thao phát triển tại địa phương.

b) Nhiệm vụ:

- Đối với TDTT quần chúng:

+ Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 100/2005/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng chính phủ về Chương trình phát triển TDTT ở xã, phường, thị trấn đến năm 2010;

+ Tham gia tích cực Chương trình nâng cao tâm vóc, thể lực người Việt Nam giai đoạn 2006-2010 và đến năm 2015 của Ủy ban Thể dục - Thể thao;

+ Tăng cường tổ chức các giải thi đấu TDTT ở cơ sở; đẩy mạnh việc xây dựng các câu lạc bộ TDTT; khai thác có hiệu quả các nguồn lực xã hội, tài trợ, quảng cáo vv..., để phát triển TDTT quần chúng, giảm chi ngân sách nhà nước.

- Đối với thể thao thành tích cao:

+ Tăng cường công tác vận động tài trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thực hiện nhiệm vụ đào tạo vận động viên;

+ Từng bước thực hiện việc chuyển các đội tuyển thể thao của tỉnh cho các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý;

+ Thành lập các câu lạc bộ cổ động viên, lập các quỹ tài trợ, quỹ bảo trợ tài năng thể thao, nhất là tài năng trẻ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phân kỳ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch.

1.1 Giai đoạn 2006-2010: tập trung phát triển phong trào TDTT; xây dựng cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008 tại tỉnh Phú Thọ.

1.2 Giai đoạn 2011-2015: tập trung mọi nguồn lực nâng cao hiệu quả công tác đào tạo vận động viên, phân đấu có nhiều vận động viên các môn thể thao đạt trình độ cao, giành được nhiều huy chương tại các cuộc thi đấu khu vực, toàn quốc và quốc tế.

1.3 Giai đoạn 2016-2020: đẩy mạnh phát triển sự nghiệp TDTT toàn diện, chú trọng phát triển thể thao thành tích cao, phấn đấu tham gia thi đấu 1/3 số môn của Đại hội Thể dục - Thể thao toàn quốc lần thứ VIII.

2. Phân công trách nhiệm.

2.1 Sở Thể dục - Thể thao:

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành liên quan xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách liên quan đến phát triển sự nghiệp TDTT giai đoạn 2006-2020 phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh;

- Phối hợp với các cấp, các ngành, đoàn thể thực hiện tốt các nhiệm vụ đẩy mạnh phong trào TDTT quần chúng; phát triển thể thao thành tích cao; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh.

2.2 Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giảng dạy TDTT nội khoá đảm bảo chất lượng và tích cực chỉ đạo tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khoá trong trường học;

- Phối hợp với các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố tổ chức các kỳ Hội khoẻ Phù Đổng các cấp đảm bảo chất lượng và các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3 Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Thể dục - Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo cân đối và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ các nguồn ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất để thực hiện Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Phú Thọ đến năm 2020.

2.4 Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Thể dục - Thể thao nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các yêu cầu về tổ chức bộ máy ngành TDTT, bổ sung đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên vv... của tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Phú Thọ đến năm 2020.

2.5 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh:

- Tích cực chỉ đạo duy trì và đẩy mạnh phong trào tập luyện TDTT trong lực lượng vũ trang; xây dựng phong trào tập luyện TDTT trong lực lượng vũ trang trở thành nòng cốt thúc đẩy phát triển phong trào TDTT quần chúng và cung cấp nguồn vận động viên cho các đội tuyển thể thao của tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành đảm bảo an ninh trật tự, an toàn các cuộc thi đấu thể thao, nhất là các cuộc thi đấu lớn, có đông đảo nhân dân tham gia.

2.6 Báo Phú Thọ, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các lực lượng xã hội, các tầng lớp nhân dân về mục tiêu và các nhiệm vụ phát triển sự nghiệp TDTT từ nay đến năm 2020, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động TDTT;

2.7 Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể nhân dân của tỉnh: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển sự nghiệp TDTT và các nhiệm vụ của Quy hoạch.

2.8 Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành:

- Xây dựng quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT trên địa bàn địa phương và kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của Quy hoạch này trên địa bàn huyện, thành, thị theo từng giai đoạn cụ thể và tổ chức thực hiện;

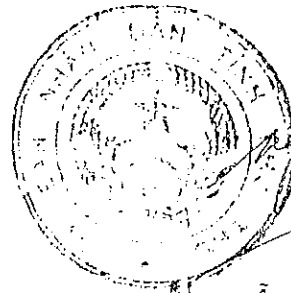
- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về TDTT trên địa bàn quản lý; phối hợp với Sở Thể dục - Thể thao và các ngành, đoàn thể của tỉnh đẩy mạnh phong trào TDTT quần chúng và nâng cao chất lượng thể thao thành tích cao trên địa bàn địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thể dục - Thể thao;
- TT: TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CVP, NCTH;
- Lưu: VT, VXI (10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kim Hải

SỞ THỂ DỤC THỂ THAO
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 04 / SY

Nơi nhận:

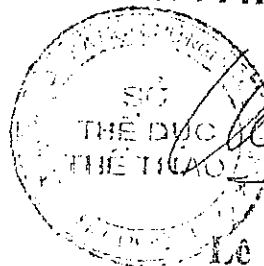
- BGD Sở
- Phòng VH-TT các huyện, thành, thị;
- Các đơn vị trực thuộc Sở
- Bản chính hai VT

SAO Y BẢN CHÍNH

Việt Trì, ngày 17 tháng 10 năm 2006

TL/ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG TC-TT-HC



Lê Văn Chính

Biểu số 1:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN TDTT QUẦN CHỨNG ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2856/QĐ-UBND

ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2015	2020
1	Dân số thường xuyên tập luyện TDTT	Nghìn người	332 - 346	430 - 445	532 - 562
2	Tỷ lệ dân số thường xuyên tập luyện TDTT so với tổng dân số	%	24-25	30 - 31	36 - 38
3	Tỷ lệ số hộ gia đình thể thao	%	18 - 20	23 - 24	28 - 30
4	Số câu lạc bộ TDTT	CLB	900	1350	2000
5	Tỷ lệ trường phổ thông, trường chuyên nghiệp thực hiện tốt chương trình giáo dục thể dục nội khoá	%	100	100	100
6	Tỷ lệ trường phổ thông, trường chuyên nghiệp thực hiện tốt chương trình giáo dục thể dục ngoại khoá	%	77-79	84	90
7	Tỷ lệ cán bộ, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ TDTT	%	trên 90	95	100

Biểu số 2:

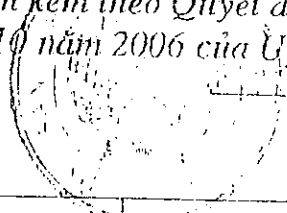
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN THỂ THAO
THÀNH TÍCH CAO ĐẾN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2956/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
1	I. Đào tạo vận động viên:				
	1. Vận động viên năng khiếu cơ sở (bán tập trung);	VĐV	1080	1155	1285
	2. Vận động viên đội tuyển trẻ (tập trung);	VĐV	164	204	229
	3. Vận động viên đội tuyển tỉnh (tập trung).	VĐV	155	194	221
	II. Vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia:	VĐV	67	95	150
	1. Vận động viên cấp 1;	VĐV	50	65	100
	2. Vận động viên kiện tướng;	VĐV	17	30	50
3	Số đội thể thao AI/ hạng mạnh.	Đội	2	3	3
4	Số cuộc tham gia thi đấu khu vực và toàn quốc.	Cuộc	25	27	30
5	Số huy chương các loại	HC	82	110	145

Điều số 3:

DIỆN TÍCH ĐẤT DÀNH CHO PHÁT TRIỂN TDTT ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2856/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)



Đơn vị tính: ha

STT	Huyện, thị, thành	2010	2015	2020
	Toàn tỉnh	334,77	384,46	413,66
1	Thành phố Việt Trì	37,53	51,0	51,0
2	Thị xã Phú Thọ	24,92	30,0	30,0
3	Huyện Đoan Hùng	21,32	25,0	29,5
4	Huyện Hạ Hoà	37,51	37,51	37,51
5	Huyện Thanh Ba	24,17	27,7	32,5
6	Huyện Cẩm Khê	11,08	28,0	31,9
7	Huyện Phù Ninh	32,51	32,51	32,51
8	Huyện Lâm Thao	33,63	27,7	27,7
9	Huyện Tam Nông	19,43	22,2	23,0
10	Huyện Thanh Thủy	15,2	18,3	21,5
11	Huyện Yên Lập	31,54	34,54	34,54
12	Huyện Thanh Sơn	45,93	50,0	62,0

Biểu số 4:

**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ CHI PHÁT TRIỂN
SỰ NGHIỆP TDTT ĐẾN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2856/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

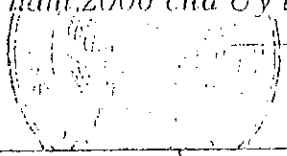
Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			2006-2010	2011- 2020
	Tổng số	1.093,4	517,2	576,2
I	Cấp tỉnh	591,4	336,4	255,0
1	Quản lý Nhà nước	18,5	3,5	15,0
2	Nghiệp vụ chuyên môn:	275,0	75,0	200,0
a	TDTT quần chúng	44	20	24,0
b	Thể thao thành tích cao	168	40	128
	- Đào tạo vận động viên tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008 và vận động viên thành tích cao	84	20	64
c	Trường Năng khiếu TDTT	63	15	48
3	Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008	42	42,0	-
4	Xây dựng cơ bản:	255,9	215,9	40,0
	- Các công trình phục vụ Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008;	198,5	198,5	-
	- Trang thiết bị phục vụ thi đấu Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008.	17,5	17,5	-
II	Cấp huyện	364	125	239
1	Chi sự nghiệp TDTT	55	15	40
2	Xây dựng cơ bản:	309	110	199
a	Sân vận động;	165	90	75
b	Nhà thi đấu;	60	20	40
c	Bể bơi.	84	-	84
III	Cấp xã	138	55,8	82,2
1	Chi sự nghiệp TDTT	15,5	4	11,5
2	Xây dựng cơ bản	122,5	51,8	70,7

Biểu số 5:

**TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ CHI PHÁT TRIỂN
SỰ NGHIỆP TDTT ĐẾN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2856/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)



Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Nguồn ngân sách	Nguồn ngoài ngân sách
	Tổng số	1093,4	826,28	267,12
I	Ngân sách cấp tỉnh	591,4	591,4	-
1	Quản lý nhà nước	18,5	18,5	-
2	Nghiệp vụ chuyên môn	275,0	275,0	-
a	TDTT quần chúng;	44	44	-
b	Thể thao thành tích cao:	168	168	-
	- Thành tích cao;	84	84	-
	- Đào tạo vận động viên tham gia Hội khỏe Phù Đổng, vận động viên thành tích cao.	84	84	-
c	Trường Năng khiếu TDTT	63	63	-
3	Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII- năm 2008	42	42	-
4	Xây dựng cơ bản:	255,9	255,9	-
	- Các công trình phục vụ Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008;	198,5	198,5	-
	- Trang thiết bị phục vụ thi đấu Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008.	17,5	17,5	-
II	Cấp huyện	364	209,5	154,5
1	Chi sự nghiệp TDTT	55	55	-
2	Xây dựng cơ bản	309	154,5	154,5
III	Cấp xã	138	25,38	112,62
1	Chi sự nghiệp TDTT	15,5	15,5	-
2	Xây dựng các thiết chế TDTT tại trung tâm xã, khu dân cư	98,8	9,88	88,92
3	Cầu lạc bộ	23,7	-	23,7

a	Xây dựng thiết chế TDTT tại trung tâm xã, phường, thị trấn	27,4	12,4	15,0
b	Xây dựng thiết chế TDTT tại các khu dân cư	71,4	32,2	39,2
c	Câu lạc bộ TDTT	23,7	7,2	16,5